

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....



Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng
Ngành:...**Dược** ; Chuyên ngành: **Kiểm nghiệm Thuốc và Độc chất**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **Lê Thị Hương Hoa**
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1963 Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt nam
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán: Xã Tân Ước, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 2, ngách 21/8, ngõ 21, phố Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh xuân, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ: Số nhà 2, ngách 21/8, ngõ 21, phố Quan nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 024 35580095; Điện thoại di động: 0983231974;

E-mail: Hoalethihuong@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1986 đến năm 1990: Học “trợ lý giảng dạy và nghiên cứu khoa học, khóa I, trường Đại học Dược Hà Nội
- Từ năm 1/1991 đến năm 7/1992: Giảng viên trường Trung cấp Y tế Hà Nội
- Từ năm 7/1992 đến năm 7/1994: Cán bộ dự án VIE/92-P05 và VIE/92-P06 của Bộ Y tế “Dự án cung cấp trang thiết bị y tế và thuốc thiết yếu cho tuyến xã”
- Từ năm 8/1994 đến nay: Cán bộ Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương (VKNTTW)

Chức vụ: Hiện nay: Nghiên cứu viên cao cấp, Phó chủ tịch Hội đồng Đạo đức VKNTTW; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa kiểm nghiệm Mỹ phẩm

Cơ quan công tác hiện nay: Phòng Khoa học đào tạo-Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương

Địa chỉ cơ quan: Số 48, phố Hai Bà Trưng, tp. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243 8 252 791

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học : Trường đại học Dược Hà nội, trường đại học Đại Nam (Hà Nội), trường đại học Võ Trường Toản (Cần Thơ),

8. Đã nghỉ hưu từ tháng.....năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: trường Đại học Dược Hà nội, trường Đại học Đại Nam.

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 08 năm 1986, ngành: Dược; chuyên ngành: Bào chế Dược chính

Nơi cấp bằng ĐH: Trường đại học Dược Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 3 tháng 3 năm 1997, ngành: Dược; chuyên ngành: Kiểm nghiệm

Nơi cấp bằng ThS: Trường đại học Dược Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 9 năm 2014, ngành: Dược, chuyên ngành: Kiểm nghiệm Thuốc - Độc chất

Nơi cấp bằng TS: Trường đại học Dược Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng..... năm..., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Dược Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành Dược học, liên ngành...

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu chung:

➤ Tiêu chuẩn hóa thuốc và mỹ phẩm

Nghiên cứu ứng dụng cụ thể:

➤ Nghiên cứu kiểm nghiệm các dược chất, tá dược, tạp chất trong thuốc và nguyên liệu làm thuốc (cả tân dược, đông dược)

➤ Nghiên cứu kiểm nghiệm các hoạt chất, các chất bị cấm sử dụng, các chất có giới hạn sử dụng..., trong mỹ phẩm và nguyên liệu sản xuất mỹ phẩm

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng)..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã chủ trì và hoàn thành 03 NVKH cấp Bộ; tham gia 01 đề tài cấp nhà nước và 01 đề tài cấp Bộ, chủ nhiệm 06 đề tài cấp cơ sở (VKNTTW)
- Đã công bố (số lượng) 45 bài báo KH, trong đó 02 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng)..... bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản Y học;
- Số lượng..... tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Sách:

1. Thái Nguyễn Hùng Thu, Lê Thị Hường Hoa (2019), *Kiểm nghiệm Mỹ phẩm*, Nhà xuất bản Y học (Đồng tác giả). Giáo trình đào tạo sau đại học, mã số ISBN: 978-604-66-3688-5

Bài báo:

2. Thi Huong Hoa Le, Thi Hong Phung, and Dinh Chi Le (2019), "Development and Validation of an HPLC Method for Simultaneous Assay of Potassium Guaiacolsulfonate and Sodium Benzoate in Pediatric Oral Powder", *Journal of Analytical Methods in Chemistry*, Volume 2019, Article ID 6143061, 9 pages, <https://doi.org/10.1155/2019/6143061>

3. Thi Huong Hoa Le, Vo Tran Ngoc Hung, Do Thu Trang, Thai Nguyen Hung Thu, Le Dinh Chi (2019), "Development and validation of an HPLC method for simultaneous assay of MCI and MI in shampoo containing plant extracts", *International Journal of Analytical Chemistry*, (The manuscript's title has been received and assigned the number 1851796)

4. Lê Thị Hường Hoa, Đỗ Thu Trang, Lê Đình Chi (2019), "Xác định tạp đồng phân đối quang R-Ketoprofen trong viên nén Dexketoprofen bằng phương pháp HPLC", *Tạp chí Dược học* ISSN 0866 -7861; số 4/2019 (Số 516 năm thứ 59), 62-67

5. Lê Thị Hường Hoa, Hoàng Thanh Tâm, Đoàn Cao Sơn, Thái Nguyễn Hùng Thu (2017), "Nghiên cứu định tính, định lượng đồng thời 12 Glucocorticoid trong kem bôi da mỹ phẩm bằng phương pháp HPLC", *Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc* ISSN 1859 – 0055, số 4.2017; tập 15-(58), 1-7.

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu "Thầy thuốc ưu tú", QĐ số: 367/QĐ-CTN, ngày 24/02/2017
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế "Đã có nhiều thành tích trong phong trào "Lao động sáng tạo" ngành Y tế giai đoạn 2008-2012

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo. Có tâm huyết với nghề

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số: 12 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH (VTT+ĐN)*	SDH (DHN+VKN)**	
1	2013-2014			15			169,5	184,5
2	2014-2015						150,5	150,5
3	2015-2016			40	10	71	108	229
3 năm học cuối								
4	2016-2017		20	25	10	105	80+132	372
5	2017-2018		20	25	10	60	93,5 +51	259,5
6	2018-2019	40	20	25	10	114	96,5+12	317,5

Ghi chú: *: VTT: Trường ĐH Võ Trường Toản; ĐN: Trường Đại học Đại Nam

** : DHN: Trường Đại học Dược Hà Nội; VKN: Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn, Nga văn (ít dùng)

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước:.... năm....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, số bằng: N2081 ; năm cấp: 1985

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.. B2 Châu Âu

4. Hướng dẫn thành công 07 học viên làm luận văn ThS

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Hoàng Thanh Tâm		x		x	2009-2010	Trường Đại học Dược Hà Nội	2009
2	Vũ Quang		x		x	2011-2012	Trường Đại học Dược Hà Nội	2012
3	Nguyễn Thị Kiều Trang		x		x	2013-2014	Trường Đại học Dược Hà Nội	2014
4	Nguyễn Văn Trung		x	Một mình		2015-2016	Trường Đại học Dược Hà Nội	2016
5	Võ Việt Hùng		x	x		2016-2017	Trường Đại học Dược Hà Nội	2017
6	Nguyễn Thị Việt Ái		x	x		2017-2018	Trường Đại học Dược Hà Nội	2018
7	Đới Hải Linh		x	x		2018-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

- Trước khi bảo vệ học vị TS:

+ Dược thư Quốc gia Việt Nam, nhà xuất bản Y học, năm 2002 (biên soạn 2 chuyên luận);

+ Dược điển Việt Nam (Lần xuất bản thứ tư), nhà xuất bản Y học năm 2009, thuộc Ban Hóa dược (biên soạn 22 chuyên luận)

+ Tài liệu đào tạo “Đảm bảo chất lượng thuốc và một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc” (xuất bản 2007, tài liệu đào tạo, lưu hành nội bộ, từ trang 107 đến trang 119 trên tổng số 408 trang), giấy xác nhận số: 423/VKNTTW-KHĐT, ngày 03/7/2019 của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương

- Sau khi bảo vệ học vị TS:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------------	---------------------------------------	---------------	--	--

1	Kiểm nghiệm Mỹ phẩm	GT	Nhà xuất bản Y học - 2019	02	Đồng tác giả	Giấy chứng nhận ngày 03/7/2019, trường Đại học Dược Hà Nội
2	Dược điển Việt Nam (Lần xuất bản thứ năm)	TK, HD	Nhà xuất bản Y học -2017		Ban Bào chế	Giấy xác nhận số 37/TTĐDDTVN, ngày 4/7/2019

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang..... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu xây dựng phương pháp phát hiện 1 số chất màu và chất bị cấm sử dụng khác trong mỹ phẩm nhằm hoà hợp tiêu chuẩn với các nước Asean	CN	nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	2006-2007	13/12/2007
2	Nghiên cứu qui trình bán tổng hợp dẫn chất chứa flo của Artemisinin làm thuốc chữa sốt rét qui mô phòng thí nghiệm	CN đề tài nhánh	KC 10-12/06-10	2006-2008	28/11/2008
3	Xây dựng qui trình thường qui về hoà hợp tiêu chuẩn Mỹ phẩm: Xây dựng phương pháp định lượng, xác định giới hạn các nguyên tố độc As, Pb, Cd trong Mỹ phẩm	CN	nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	2007-2008	Số:880/QĐ-VKNTTW-KHĐT, ngày 26/12/2008
4	Khảo sát định lượng chlorpheniramin maleat trong thuốc viên đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng pha đảo	CN	Cấp Viện	2008	Số:880/QĐ-VKNTTW-KHĐT, ngày 26/12/2008
5	Nghiên cứu xây dựng phương pháp phát hiện một số chất bị cấm sử dụng và phương pháp định lượng, xác định giới hạn thủy ngân trong mỹ phẩm nhằm hoà hợp tiêu chuẩn chất lượng với các nước ASEAN	CN	nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	2009	17/12/2009
6	Phân tích một số đồng phân đối quang có tính chất dược lý chọn lọc khác nhau của Clorpheniramin, Dexclopheniramin, amlodipin và lamivudin	Tham gia	Cấp bộ	2011	Số: 4591/QĐ-BYT, ngày 6/12/2011
7	Nghiên cứu xây dựng qui trình định lượng chì trong thuốc cam trẻ em và trong máu	CN	Cấp Viện VKNTTW	2012	7/1/2013

8	Nghiên cứu xây dựng quy trình phát hiện và định lượng 03 chất cấm thuộc nhóm paraben: Isopropylparaben, Isobutylparaben và Benzylparaben có mặt trái phép trong phần trang điểm, kem bôi da, giấy ướt bằng phương pháp HPLC”	CN	Cấp Viện VKNTTW	2015- 2016	26/02/2016
9	"Nghiên cứu xây dựng quy trình phát hiện và định lượng 02 chất bảo quản Methylisothiazolinone và hỗn hợp Methylchlorothiazolinone với Methylisothiazolinone (MCT + MIT) trong dầu gội đầu và khăn ướt bằng phương pháp HPLC”	CN	Cấp Viện VKNTTW	2015- 2016	26/02/2016
10	"Nghiên cứu xây dựng quy trình phát hiện và định lượng 04 chất bảo quản thuộc nhóm paraben: Methylparaben, Ethylparaben, Propylparaben và Butylparaben trong phần trang điểm, dầu gội, giấy ướt và son bằng phương pháp HPLC”	CN	Cấp Viện VKNTTW	2015- 2016	26/02/2016
11	Nghiên cứu xây dựng quy trình phát hiện và định lượng 02 chất nhóm paraben: chất cấm Isobutylparaben và chất có giới hạn sử dụng Butylparaben trong kem bôi da mỹ phẩm, dầu gội đầu bằng phương pháp HPLC”	CN	Cấp Viện VKNTTW	2015- 2016	26/02/2016

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Sau bảo vệ học vị TS.								
1	Định lượng Niken trong một số mẫu mỹ phẩm bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	03	Dược học ISSN 0866 - 7861,		số 6/2019,	(Số 518 năm thứ 59)	32-36	2019
2	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời (MI) và	03	Dược học ISSN 0866 -		số 6/2019,	(Số 518 năm thứ	13-16	2019

	(MCI) trong mẫu khăn ướt bằng kỹ thuật HPLC		7861,			59)		
3	Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích triclosan và triclocarban trong một số dạng mỹ phẩm bằng HPLC	03	Dược học ISSN 0866 - 7861,		số 6/2019,	(Số 518 năm thứ 59)	21-25	2019
4	Development and validation of an HPLC method for simultaneous assay of MCI and MI in shampoo containing plant extracts	03		International Journal of Analytical Chemistry	received and assigned the number 1851796			2019
5	Development and Validation of an HPLC Method for Simultaneous Assay of Potassium Guaiacolsulfonate and Sodium Benzoate in Pediatric Oral Powder	03		Journal of Analytical Methods in Chemistry	ID 6143061	Volume 2019	09 trang	2019
6	Xác định tạp đồng phân đối quang R-Ketoprofen trong viên nén Dexketoprofen bằng phương pháp HPLC	03	Dược học ISSN 0866 - 7861;		số 4/2019	(Số 516 năm thứ 59)	62-67	2019
7	Nghiên cứu xây dựng quy trình định tính, định lượng các kháng sinh clindamycin, lincomycin và tetracyclin trong một số dạng mỹ phẩm	04	Dược học ISSN 0866 - 7861;		số 4/2019	(Số 516 năm thứ 59)	79-84	2019
8	Nghiên cứu xây dựng phương pháp phát hiện và định lượng đồng thời hai đồng phân Butylparaben và Isobutylparaben trong một số mỹ phẩm	03	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 1.2019	tập 17-(63)	16-22	2019
9	Xây dựng phương pháp phân tích một số paraben bị cấm dùng trong mỹ phẩm	04	Dược học ISSN 0866 - 7861;		số 4/2018	(Số 504 năm thứ 58)	57-62	2018
10	Xây dựng phương pháp định lượng Bạc bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) và kiểm nghiệm hình dạng, kích thước tiểu phân nano Bạc	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 1.2018	tập 16-(59)	6-13	2018
11	Nghiên cứu định tính, định lượng đồng thời 12 Glucocorticoid trong kem bôi da mỹ phẩm bằng phương pháp HPLC	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 4.2017	tập 15-(58)	1-7	2017
12	Định tính, định lượng đồng phân đối quang Levocetirizin của cetirizin bằng phương pháp HPLC	03	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 3.2017	tập 15-(57)	1-5	2017
13	Định tính, định lượng đồng thời Amoxicilin và Bromhexin hydroclorid trong viên nang Amoxhexin bằng phương pháp HPLC	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		4.2016;	tập 14.(54)	1-6	2016
14	Nghiên cứu định tính, định lượng acid Salicylic và Betamethson trong kem bôi da Eumasavaf bằng phương pháp HPLC	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 3.2016	tập 14.(53)	7-12	2016

15	Định tính, định lượng Triprolidin hydroclorid và Pseudoephedrin hydroclorid bằng phương pháp HPLC	05	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 3.2015	tập 13.(49)	10-15	2015
16	Nghiên cứu định tính, định lượng Cloramphenicol và Thimerosal trong thuốc nhỏ mắt bằng phương pháp HPLC	03	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 2.2015;	tập 13.(48)	3-8	2015
17	Xây dựng quy trình phát hiện đồng thời các chất màu cấm Metanil yellow, Rhodamin B, Pigment Red 53 và Pigment orange 5 có mặt trái phép trong sơn môi bằng phương pháp HPLC	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 3. 2014		12-20	2014
Trước khi bảo vệ học vị TS							
18	Xác định hàm lượng chì trong các mẫu thuốc đông dược bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	03	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 3. 2013		18-23	2013
19	Định lượng Mifepriston trong viên nén bằng phương pháp HPLC	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 2. 2013,		10-13	2013
20	Nghiên cứu định tính và định lượng các dạng Clorpheniramin đang được sử dụng trong chế phẩm thuốc bằng phương pháp HPLC trên cột sắc ký chọn lọc đối quang	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 3. 2012		10-16	2012
21	Xây dựng quy trình xác định chất màu Pigment orange 5 có mặt trái phép trong sơn môi và sơn móng bằng phương pháp HPLC	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 1. 2012	Tập 10- số 35	8-13	2012
22	Xác định hàm lượng Cadmi trong một số mẫu mỹ phẩm bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	03	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 1. 2012	Tập 10- số 35	13-17	2012
23	Định tính phân biệt Clorpheniramin racemic và Dexclorpheniramin trong chế phẩm thuốc bằng phương pháp HPLC trên cột sắc ký chọn lọc đối quang	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 1. 2012	Tập 10- số 35	18-22	2012
24	Xây dựng phương pháp phát hiện chất màu Rhodamin B có mặt trái phép trong một số dạng mỹ phẩm	04	Dược học ISSN 0866 - 7225	Số 10/2011	(Số 426 năm thứ 51)	23-27	2011
25	Nghiên cứu định lượng Tacrolimus trong thuốc mỡ bằng phương pháp sắc ký lỏng pha đảo	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 4.2011,	Tập 9- số 34	6-10	2011
26	Xác định hàm lượng chì trong các mẫu mỹ phẩm bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	03	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 4. 2011	tập 9-số 34	20-24	2011
27	Xây dựng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao để phân tích đồng phân đối quang của amlodipin	05	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055	số 3. 2011,	tập 9-số 33	10-15	2011

N
 NGHIỆM
 ĐỐC
 UƠNG
 ★

28	Xây dựng phương pháp phát hiện chất màu Methanil yellow có mặt trái phép trong sơn môi và sơn móng bằng phương pháp HPLC	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 2. 2011,	tập 9-số 32	9-14	2011
29	Nghiên cứu xác định Hydroquinon trong kem bôi da mỹ phẩm bằng sắc ký lỏng pha đảo với detector diod array	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 1. 2011,	tập 9-số 31	20-23	2011
30	Xây dựng phương pháp xác định thủy ngân trong một số mẫu mỹ phẩm dạng kem bôi da bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 1. 2011,	tập 9-số 31	24-28	2011
31	Xây dựng phương pháp phát hiện chất màu bị cấm sử dụng Pigment Red 53 trong sơn môi và phấn má	04	Nghiên cứu dược và thông tin thuốc		số 1/2010,	tập 8-số 27	8-13	2010
32	Xác định hàm lượng Crom trong một số mẫu dược liệu bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	05	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 2. 2009,	tập 7-số 24	9-13	2009
33	Xây dựng phương pháp định tính, định lượng lactoluse trong dung dịch uống bằng điện di mao quản với detector UV trực tiếp	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 1. 2009,	tập 7-số 23	12-15	2009
34	Xây dựng phương pháp định lượng thủy ngân trong một số dược liệu bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 4.2008,	tập 6-số 22	20-23	2008
35	Định lượng acid para amino benzoic trong viên bao phim Topfile Vita Stress bằng phương pháp HPLC	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 3.2008,	tập 6-số 21	7-10	2008
36	Nghiên cứu xác định chất bị cấm Tretinoin trong kem bôi da mỹ phẩm bằng sắc ký lỏng pha đảo với detector diod array”, Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc số 2.2008, tập 6-số 20, 15-18.	02	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 2.2008,	tập 6-số 20	15-18	2008
37	Xây dựng phương pháp xác định các chất màu nhóm Sudan trong sơn môi bằng sắc ký lỏng pha đảo với detector diod array”, Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc số 2.2007, tập 5-số 16, 18-22.	04	Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 2.2007,	tập 5-số 16	18-22	2007
38	Định lượng Piracetam trong thuốc viên bằng phương pháp HPLC		Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 3.2006,	tập 4-số 13	20-24	2006
39	Định lượng đồng thời lutein và zeaxanthin trong nang mềm lutevit bằng phương pháp HPLC		Kiểm nghiệm thuốc ISSN 1859 -0055		số 1.2006,	tập 4-số 11	11-15	2006
40	Nghiên cứu định lượng 10 α - Trifluoromethyl hydroartemisinin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu	03	Kiểm nghiệm thuốc		số 4.2005,	tập 3-số 10	11-13	2005

	năng cao”, Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc số 4.2005, tập 3-số 10, 11-13.							
41	Định lượng đồng thời Analgin, Cafein và vitamin B1 Bằng phương pháp HPLC”,	03	Thông báo Kiểm nghiệm thuốc		số 1. 2002		10-13	2002
42	Nghiên cứu phương pháp xác định giới hạn chì, arsen trong mỹ phẩm	03	Thông báo Kiểm nghiệm thuốc		số 4. 1999		19-21	1999
43	Nghiên cứu định lượng Glycyl-funtumin bằng phương pháp đo quang	03	Dược học ISSN 0866 - 7225		3/1993	Số 218 năm thứ 33	20-23	1993
44	Tác dụng của một số thuốc hoạt huyết trên chuyển hóa lipid	03	Dược học ISSN 0866 - 7225		5/1991	Số 208 năm thứ 31	26-Bìa 3	1991
45	Báo cáo khoa học Hội nghị sáng tạo khoa học kỹ thuật của tuổi trẻ các trường đại học Y Dược toàn quốc lần thứ V kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác Hồ	03	Kỷ yếu Hội nghị		5/1990			

- Trong đó, có 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS:

1. *Thi Hương Hoa Le*, Thi Hong Phung, and Dinh Chi Le (2019), “Development and Validation of an HPLC Method for Simultaneous Assay of Potassium Guaiacolsulfonate and Sodium Benzoate in Pediatric Oral Powder”, Journal of Analytical Methods in Chemistry, Volume 2019, Article ID 6143061, 9 pages, <https://doi.org/10.1155/2019/6143061>
2. *Thi Hương Hoa Le*, Võ Trần Ngọc Hùng, Đỗ Thu Trang, Thái Nguyễn Hùng Thu, Lê Đình Chi, (2019), "Development and validation of an HPLC method for simultaneous assay of MCI and MI in shampoo containing plant extracts”, International Journal of Analytical Chemistry, (The manuscript's title has been received and assigned the number 1851796)

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				
2				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: Không

7.2. Giải thưởng quốc gia, quốc tế : Không

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương

trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Không

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: Không

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:]

- Giờ chuẩn giảng dạy:]

- Công trình khoa học đã công bố:]

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ]

- Hướng dẫn NCS, ThS:]

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày..... tháng... .. năm 2019.

Người đăng ký

Lê Thị Hường Hoa

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” của TS. Lê Thị Hường Hoa đã kê khai

- Về giai đoạn ứng viên công tác Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương (từ 8/1994 đến nay) và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này

- Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2019

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
VIỆN TRƯỞNG**



Đoàn Cao Sơn